

Số: /KH-UBND

Xín Mần, ngày tháng 01 năm 2024

KẾ HOẠCH
Triển khai công tác chăm sóc sức khỏe
Bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em năm 2024, huyện Xín Mần

Phần I
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2023

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác tổ chức chỉ đạo

Ban hành các văn bản chỉ đạo về các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản nói chung và chăm sóc sức khỏe sinh sản cho bà mẹ, trẻ sơ sinh nói riêng. Xây dựng các kế hoạch triển khai hoạt động về chăm sóc sức khỏe sinh sản cho bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em trong năm 2023.

Chỉ đạo các đơn vị y tế trong toàn huyện thực hiện nghiêm túc các quy chế chuyên môn trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sinh sản cho bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em.

2. Kết quả thực hiện các hoạt động chuyên môn

Củng cố và duy trì tốt mạng lưới hoạt động trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sinh sản cho bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em trong toàn huyện. Triển khai động bộ các hoạt động trong lĩnh vực, một số chỉ tiêu thực hiện đã đạt và vượt kế hoạch giao.

2.1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu về sức khỏe bà mẹ

- Để không ngừng nâng cao năng lực về chuyên môn và quản lý tuyến xã trung tâm Y tế huyện chủ động lập kế hoạch hoạt động năm chi tiết cụ thể. Giám sát việc thực hiện ghi chép các đầu sỏ công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản. Giám sát hỗ trợ thực hiện tiêu chí 7, 8 trong bộ tiêu chí Quốc gia về Y tế xã.

- Năm 2023 có sự hỗ trợ kinh phí chương trình phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi Dự án 7 chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng tầm vóc người dân tộc thiểu số, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em nên triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản đạt được một số kết quả sau:

+ Tổng số phụ nữ phát hiện thai mới năm 2023 là 1.166 giảm so với cùng kỳ năm 2022 là 162 phụ nữ mang thai;

+ Tổng số phụ nữ đẻ 1.116 giảm so với cùng kỳ năm 2022 là 163 ca;

+ Tổng số mổ đẻ 189 ca giảm so với cùng kỳ năm 2022 là 7 ca;

+ Tỷ lệ phụ nữ đẻ được quản lý thai nghén 1.048/1.116 đạt 94% tăng so với cùng kỳ năm 2022 là 3%;

+ Tỷ lệ phụ nữ đẻ tại cơ sở Y tế 864/1.116 đạt 77,4% vượt chỉ tiêu kế hoạch giao 14,4%;

+ Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ≥ 4 lần trong 3 thời kỳ 859/1.116 đạt 77% không đạt so với chỉ tiêu kế hoạch giao 5%;

- + Tổng số phụ nữ đẻ được cán bộ Y tế chăm sóc 990/1.116 đạt 89% vượt chỉ tiêu kế hoạch giao 6%;
- + Tổng số BM và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh tại nhà 880/1.116 đạt 79% vượt chỉ tiêu kế hoạch giao 7%;
- + Tai biến sản khoa mắc: 0.

2.2. Chăm sóc sức khỏe trẻ em

- Tổng số trẻ sinh ra sống: 1.116;
- Tỷ lệ trẻ ra được cân: 990/1.116 đạt 88,7%;
- Tỷ lệ trẻ sinh ra được chăm sóc EENC: 789/1.116 đạt 71%;
- Số trẻ đẻ non: 71 trẻ tăng so với cùng kỳ năm 2022 là 49 trẻ;
- Số trẻ đẻ < 2500 gram 80 trẻ tăng so với cùng kỳ 10 trẻ;
- Số trẻ đẻ > 4000gram 3 trẻ giảm so với cùng kỳ năm 2022 là 4 trẻ;
- Số trẻ tử vong từ 22 tuần đến khi đẻ là 3 trẻ (giảm so với cùng kỳ năm 2022 là 8 trẻ);
- Số trẻ tử vong thai nhi từ < 7 ngày 3 trẻ tăng so với cùng kỳ năm 2022 là 2 trẻ;
- Số trẻ tử vong < 28 ngày 3 trẻ tăng so với cùng kỳ năm 2022 là 2 trẻ;
- Tỷ suất tử vong < 1 tuổi 9/1162 chiếm 7,74 ‰;
- Tỷ suất tử vong < 5 tuổi 12/6.987 chiếm 1,71‰.

2.3. Cung cấp dịch vụ tránh thai và phá thai an toàn

- Dụng cụ tử cung: 745/1.200 đạt 62%;
- Uống thuốc tránh thai: 875/800 đạt 109%;
- Triệt sản: 19/10 đạt 190%;
- Cây thuốc tránh thai: 0/30 đạt 0% (Năm 2023 trung tâm Y tế không được cấp que tránh thai nên không thực hiện được biện pháp tránh thai này);
- Tiêm thuốc tránh thai: 203/800 đạt 25,37%;
- Trong năm 2023 thực hiện tốt công tác phá thai an toàn theo hướng dẫn Quốc gia dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản quy định, không có tai biến do phá thai và số ca chết do phá thai;
- Tổng số ca hút thai < 7 tuần: 01 ca giảm so cùng kỳ năm 2023 là 01 ca.

2.4. Công tác chỉ đạo tuyến

Thường xuyên giám sát hỗ trợ các xã về giám sát việc thực hiện ghi chép các đầu sỏ công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em. Giám sát hỗ trợ thực hiện tiêu chí 8, 9 trong bộ tiêu chí Quốc gia về Y tế xã. Giám sát việc thực hiện ghi chép các đầu sỏ, báo cáo công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em theo thông tư 37/2021/TT - BYT được 18 lượt.

II. TỒN TẠI HẠN CHẾ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại hạn chế

- Mặc dù đã có nhiều cố gắng tuy nhiên công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản trong năm 2023 vẫn còn nhiều hạn chế. Tình trạng sức khỏe bà mẹ và trẻ em tuy đã được cải thiện nhưng các chỉ số chăm sóc sức khỏe sinh sản có sự phân biệt rõ rệt giữa các xã trên địa bàn huyện; Khả năng tiếp cận và chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe trước, trong và sau đẻ còn hạn chế; Tỷ lệ đẻ tại nhà, đẻ không có cán bộ Y tế đỡ còn khá phổ biến.

- Còn 5 Trạm Y tế không có nữ hộ sinh phụ trách công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản. Trung tâm Y tế bố trí cán bộ là điều dưỡng hoặc y sĩ phụ trách công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản cho 5 Trạm Y tế không có nữ hộ sinh.

2. Nguyên nhân

Bên cạnh kết quả đã đạt được, công tác Chăm sóc sức khỏe sinh sản vẫn còn nhiều khó khăn: Trình độ chuyên môn kỹ thuật, kỹ năng truyền thông tại cộng đồng của đội ngũ cán bộ cơ sở còn yếu, mạng lưới cán bộ làm công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản còn thiếu. Trình độ chuyên môn cán bộ phụ trách công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản tuyến cơ sở còn yếu. Chưa tích cực tham mưu cho UBND, lãnh đạo trạm Y tế các xã, thị trấn về công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản. Trình độ dân trí thấp, địa hình giao thông đi lại khó khăn nên việc triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản gặp nhiều khó khăn.

Phần II KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Quyết định số 1415/QĐ - SYT, ngày 28 tháng 12 năm 2023 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (Lĩnh vực công tác Y tế - Dân số - chăm sóc sức khỏe) năm 2024.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tăng cường các hoạt động nhằm cải thiện tình trạng sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em, không để xảy ra tử vong mẹ, tử vong sơ sinh và tử vong trẻ em thông qua các giải pháp can thiệp. Thực hiện đúng quy trình hướng dẫn dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản hướng dẫn Quốc gia quy định.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Chăm sóc sức khỏe bà mẹ

- Tỷ lệ phụ nữ đẻ được quản lý thai nghén: $\geq 92\%$;
- Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai 4 lần trong 3 thời kỳ: $\geq 78\%$;
- Tỷ lệ phụ nữ đẻ được cán bộ y tế chăm sóc: $\geq 90\%$;
- Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc tuần đầu sau sinh đạt: $\geq 60\%$;
- Tỷ lệ phụ nữ đẻ tại cơ sở y tế $\geq 62\%$;
- Không để mắc và chết do tai biến sản khoa;
- Xử trí tốt khi có tai biến sản khoa xảy ra.

2.2. Chăm sóc sức khỏe trẻ em và trẻ sơ sinh

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em < 5 tuổi thể nhẹ cân 0,3% xuống còn 19,07%;
- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em < 5 tuổi thể thấp còi 0,3% xuống còn 28,45%;
- Tỷ lệ trẻ em < 2 tuổi được khám sức khỏe định kỳ 6 tháng/1 lần $\geq 70\%$.

2.3. Hoạt động khám chữa phụ khoa và phá thai an toàn

- $\geq 20\%$ số phụ nữ 15 - 49 tuổi có chồng được khám phụ khoa trong năm;
- Phá thai an toàn do sử dụng biện pháp tránh thai thất bại miễn phí: 40 ca.

2.4. Kế hoạch hóa gia đình

- Triệt sản: 10 ca.
- Đặt vòng: 700 ca.
- Cấy TTT: 10 ca.
- Tiêm TTT: 500 ca.
- Uống TTT: 600 ca.
- Bao cao su: 500 ca.
- Tỷ lệ các cặp vợ chồng áp dụng biện pháp tránh thai hiện đại đạt 67%.

2.5. Công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản Vị thành niên & Thanh niên

- Hạn chế tảo hôn, tiến tới làm giảm tỷ lệ có thai ngoài ý muốn, nhiễm HIV/AIDS, tai nạn thương tích, lạm dụng các chất gây nghiện và gây rối loạn tâm lý ở vị thành niên và thiếu niên.

- Tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề ngoại khóa về sức khỏe sinh sản tại trường phổ thông dân tộc nội trú xã Xín Mần và trường phổ thông dân nội trú đóng trên địa bàn thị trấn Cốc Pài 2 lần/năm.

- Tỷ lệ phụ nữ đẻ được quản lý thai nghén: $\geq 92\%$;
- Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai 4 lần trong 3 thời kỳ: $\geq 78\%$;
- Tỷ lệ phụ nữ đẻ được cán bộ y tế chăm sóc: $\geq 90\%$;
- Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc tuần đầu sau sinh đạt: $\geq 60\%$;
- Tỷ lệ phụ nữ đẻ tại cơ sở y tế $\geq 62\%$;

2.6. Chiến dịch chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình

Tổ chức cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình cho phụ nữ 15 - 49 tuổi có chồng 16 xã.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

1. Đào tạo nâng cao năng lực cán bộ

Tổ chức 02 lớp tập huấn nâng cao năng lực truyền thông cho cán bộ Y tế các ban ngành đoàn thể cấp cơ sở về công tác chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em.

- Thành phần: Cán bộ Y tế, phụ nữ xã và các ban ngành đoàn thể cấp cơ sở.
- Địa điểm: Hội trường Trung tâm Y tế huyện
- Thời gian: Quý II
- Đơn vị thực hiện: Trung tâm Y tế.

2. Triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em như tỷ lệ phụ nữ đẻ được quản lý thai nghén, tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ≥ 4 lần trong 3 thời kỳ, tỷ lệ phụ nữ đẻ được cán bộ Y tế chăm sóc, tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc tuần đầu tại nhà sau sinh, tỷ lệ trẻ em < 2 tuổi được khám sức khỏe định kỳ 6 tháng/1 lần, tỷ lệ phụ nữ đẻ tại cơ sở Y tế.

3. Tổ chức khám chiến dịch chăm sóc sức khỏe sinh sản - Kế hoạch hóa gia đình

- Đối tượng: Phụ nữ 15 - 49 tuổi có chồng
- Địa điểm: 16 xã.
- Thời gian: Quý II, quý III
- Đơn vị thực hiện: Khoa chăm sóc khỏe sinh sản Trung tâm Y tế huyện.

4. Giám sát, hỗ trợ

Thường xuyên giám sát hỗ trợ cán bộ Trạm Y tế về mặt chuyên môn để khắc phục những tồn tại chưa làm được tại cơ sở. Đồng thời bổ sung, cập nhật những kiến thức mới về CSSKSS cho cán bộ tuyến cơ sở như giám sát người đỡ đẻ có kỹ năng, quy trình vô khuẩn dụng cụ, quy trình khám thai, quy trình xử trí tích cực giai đoạn III cuộc chuyển dạ đẻ, góc sơ sinh, giám sát việc thực hiện các hoạt động 3 chương trình mục tiêu, giám sát hỗ trợ duy trì thực hiện tiêu chí 7 Bộ tiêu chí Quốc gia về Y tế xã 6 tháng 1 lần.

5. Công tác truyền thông thay đổi hành vi

- Tư vấn kiến thức chăm sóc thai kỳ cho phụ nữ mang thai, tuyên truyền vận động phụ nữ mang thai đến khám thai định kỳ tại cơ sở Y tế;

- Tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, viết bài đọc phát thanh trên loa địa phương về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ trẻ em và tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề về sức khỏe sinh sản tại các trường phổ thông dân tộc nội trú

6. Đảm bảo phương tiện, trang thiết bị, thuốc và vật tư tiêu hao

- Các Trạm Y tế xã bổ sung kịp thời, đầy đủ trang thiết bị, thuốc và vật tư tiêu hao còn thiếu, bảo đảm điều kiện tốt nhất thực hiện công tác CSSKSS.

- Cung cấp các biện pháp tránh thai có chất lượng nhằm hạn chế có thai ngoài ý muốn, giảm tỷ lệ sinh.

7. Nhu cầu kinh phí: Sử dụng kinh phí theo Quyết định số 100/QĐ-UBND, ngày 08 tháng 01 năm 2024 của UBND huyện Xín Mần về việc phân bổ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện 03 Chương trình Mục tiêu Quốc gia năm 2024 (Lần 1), Chương trình phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS & miền núi Dự án 7 chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em là 2.481.000.000 (Hai tỷ bốn trăm tám mươi một triệu đồng chẵn).

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về nhân lực

- Tham mưu cho Ban giám đốc bố trí sắp xếp và ra quyết định cán bộ phụ trách công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản tuyến xã.

- Mở lớp tập huấn nâng cao năng lực truyền thông cho cán bộ Y tế các ban ngành đoàn thể cấp cơ sở về công tác chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em.

2. Giải pháp truyền thông thay đổi hành vi

- Cải tiến nội dung, đa dạng hóa các hình thức, hoạt động truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đặc biệt chú trọng tới truyền thông thay đổi hành vi thông qua đội ngũ truyền thông viên trực tiếp tại cộng đồng.

- Kết hợp giữa truyền thông tại cộng đồng và truyền thông tại cơ sở cung cấp dịch vụ. Thông qua các hoạt động văn hóa, thể thao, họp thôn, phiên chợ, thảo luận nhóm, thăm hộ gia đình; Cung cấp tài liệu truyền thông như: Tờ rơi, tranh lật, băng zôn

- Đào tạo kỹ năng truyền thông cho đội ngũ người cung cấp dịch vụ tại cơ sở.

3. Giải pháp tăng cường năng lực về quản lý trong công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh

- Triển khai thực hiện, theo dõi, giám sát và đánh giá công tác thực hiện kế hoạch về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh tại các xã, thị trấn địa bàn toàn huyện.

- Tăng cường giám sát, hỗ trợ cán bộ Trạm Y tế về mặt chuyên môn

- Kết hợp giữa đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cán bộ chuyên môn và cung ứng trang thiết bị, thuốc thiết yếu và chất lượng dịch vụ làm mẹ an toàn, chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và sau đẻ.

4. Giải pháp về tài chính

- Đẩy mạnh truyền thông vận động về tầm quan trọng của công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em.

- Tăng cường đầu tư cho công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em thông qua mục tiêu Quốc gia về sức khỏe sinh sản.

- Huy động các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội, các phương tiện thông tin đại chúng tham gia vào vận động chính sách, nguồn lực và môi trường xã hội thuận lợi cho công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các ngành, thành viên Ban chỉ đạo chăm sóc sức khỏe nhân dân huyện

- Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của mình, phối hợp với Trung tâm Y tế, Bệnh viện thực hiện các nhiệm vụ được giao; đưa nội dung chăm sóc bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em vào kế hoạch, chương trình hoạt động của ngành, Hội, Đoàn thể, tổ chức...với các nội dung cụ thể.

2. Trung tâm Y tế huyện

- Là đầu mối trong mọi hoạt động về công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản trong toàn huyện.

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể, tháng, quý, năm, phân bổ chỉ tiêu, đôn đốc các trạm Y tế hoàn thành tốt chỉ tiêu kế hoạch giao. Phân công cán bộ, thường xuyên giám sát, hỗ trợ cơ sở trong lĩnh vực chuyên môn phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản trên địa bàn toàn huyện.

- Bố trí đủ nhân lực, bảo đảm tất cả các trạm Y tế có cán bộ phụ trách công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản. Trang bị đầy đủ trang thiết bị, thuốc và các vật tư tiêu hao cần thiết cho các hoạt động cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, làm mẹ an toàn (CSSKSS, LMAT) trên địa bàn được phân công.

- Chỉ đạo và giám sát tuyến xã trong các hoạt động người đỡ đẻ có kỹ năng, cung cấp dịch vụ về CSSKSS, làm mẹ an toàn và các biện pháp tránh thai có chất lượng theo Hướng dẫn “*Quốc gia các dịch vụ CSSKSS*” tham gia các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác CSSKSS.

- Thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn, phá thai an toàn, cung cấp các phương tiện tránh thai theo chuẩn mực quốc gia quy định.

- Chỉ đạo các trạm Y tế xã, thị trấn chú trọng công tác quản lý thai nghén, truyền thông cho phụ nữ mang thai đến khám thai tại trạm Y tế xã, thị trấn định kỳ nhằm phát hiện kịp thời các trường hợp có nguy cơ để chuyển tuyến giúp giảm tử vong mẹ và tử vong sơ sinh.

- Chủ động tham mưu đưa chỉ tiêu chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ sơ sinh vào chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương; Xây dựng kế hoạch triển khai công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản năm 2024 với những nội dung chỉ tiêu cụ thể phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Tăng cường việc học tập thông qua các lớp đào tạo tập huấn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn trong công tác khám thai, đỡ đẻ và chăm sóc sản phụ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ.

- Củng cố góc sơ sinh tại phòng đẻ theo đúng quyết định số 1142/QĐ - BHYT ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Bộ Y tế về việc phê duyệt tài liệu chuyên môn Hướng dẫn tổ chức thực hiện đơn nguyên sơ sinh, góc sơ sinh tại phòng khám đa khoa và trạm Y tế xã, thị trấn.

- Thực hiện các qui trình chuyên môn kỹ thuật theo đúng hướng dẫn Quốc gia về dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản do Bộ Y tế qui định.

- Phối hợp với bệnh viện đa khoa thực hiện tốt công tác giám sát hỗ trợ các hoạt động chăm sóc SKSS tại các xã thị trấn, khoa phụ sản tại bệnh viện.

- Triển khai các hoạt động Chương trình phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS & miền núi Dự án 7 chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em năm 2024.

3. Bệnh viện Đa khoa huyện và bệnh viện Nà Chì

- Thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc sản khoa, nhi khoa tại bệnh viện góp phần đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em được tốt nhất và thực hiện tốt Quyết định 1142/QĐ-BYT ngày 18/4/2011 về việc hướng dẫn triển khai đơn nguyên sơ sinh.

- Phối hợp với Trung tâm Y tế huyện kiểm tra, giám sát đối với tuyến xã.

- Bố trí cán bộ tham gia đầy đủ các lớp đào tạo tập huấn, nâng cao trình độ chuyên môn.

- Tổ chức kiểm tra giám sát tại đơn vị: Khoa sản, phòng đẻ, góc sơ sinh, đơn nguyên sơ sinh, phòng mổ.

- Rà soát, bổ sung đầy đủ thuốc, vật tư y tế, các trang thiết bị cần thiết tại các phòng đẻ theo quy định, lưu ý lắp điều hòa 2 chiều hoặc đèn sưởi đảm bảo nhiệt độ trong phòng đẻ.

- Rà soát cán bộ làm công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản tại khoa Phụ sản, khoa Nhi để đào tạo mới, đào tạo lại nhằm nâng cao trình độ chuyên môn về chăm sóc trước, trong và sau sinh cho bà mẹ, trẻ em.

- Triển khai tốt sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ trẻ em tại khoa khám bệnh, khoa Sản, khoa Nhi đến khám và điều trị tại các khoa.

- Tổ chức tuyên truyền, vận động, tư vấn cho các đối tượng (Phụ nữ 15 - 49 tuổi có chồng, lứa tuổi vị thành niên và thanh niên, phụ nữ mang thai) đến nhận dịch vụ CSSKSS/KHHGD tại cơ sở Y tế.

- Hàng tháng bệnh viện đa khoa huyện, bệnh viện Nà Chì tổng hợp báo cáo bà mẹ và trẻ em gửi về Trung tâm Y tế huyện trước ngày 05 hàng tháng.

4. Phòng tài chính-Kế hoạch

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan lập dự toán kinh phí và trình cấp có thẩm quyền cấp kinh phí đảm bảo triển khai các hoạt động công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em.

5. UBND các xã, thị trấn

- Chỉ đạo trạm Y tế các xã, thị trấn căn cứ vào nhu cầu công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em trên địa bàn cũng như điều kiện về nguồn lực,

tham mưu xây dựng kế hoạch chi tiết hoạt động về chăm sóc sức khỏe sinh sản năm 2024 với các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

- Có trách nhiệm cụ thể hóa và triển khai nội dung kế hoạch, đảm bảo tiến độ thực hiện các chỉ tiêu của địa phương mình.

- Tăng cường đôn đốc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các mục tiêu và nội dung kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em năm 2024 của huyện Xín Mần./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế tỉnh;
- Trung tâm KSBT tỉnh;
- TTr. Huyện ủy;
- TTr. HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Thành viên BCD CSSKND huyện;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện;
- UBND 18 xã, thị trấn;
- Lưu: VT, TTYT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Thị Hòa

